

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSY

NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						387 475	153 565	228 744			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>59 210</u>	<u>15 363</u>	<u>43 847</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						11 100	10 942	158			
1		NHÔM LÂM ĐỒNG	22/10	2728/10	31/10	HOÀNG ANH 668 (BN 2828)	CÁM 5A.1	4 290	4 234	56	23/10	HỘ LỚN	
2		CP XI MĂNG BẠCH ĐĂNG	24/10	683/10	31/10	QN 8265	CÁM 4A.1	1 973	1 961	12	24/10	HỘ LỚN	
3		MẬT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	21/10	2624/10	28/10	BN 0719	CỤC XỔ 1C	1 100	1 086	14	24/10	TD	GIA HẠN L1
4		ĐTTM & DỊCH VỤ	24/10	2670/10	31/10	HD 1188	CÁM 4B.1	1 900	1 832	68	24/10	TD	GIA HẠN L1
5		THAN SÔNG HỒNG	23/10	2739/10	30/10	BN 2633	CÁM 4A.1	1 837	1 829	8	25/10	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						27 800	4 422	23 378			
1		ĐIỆN DUYỄN HẢI	22/10	678/10		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.14	26 600	3 782	22 818	ĐỎ	HỘ LỚN	
2		VT & KDT	22/10	2559/10	29/10	NB 8707	CỤC XỔ 1C	1 200	640	560	ĐỎ	TD	GIA HẠN L2
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						20 310		20 310			
1		ĐẠM HÀ BẮC	22/10	680/10	31/10	TĐ 16-TT	CÁM 4B.1	2 360		2 360		HỘ LỚN	
2		THAN SÔNG HỒNG	21/10	2621/10	28/10	BN 1348	CÁM 4B.1	993		993		TD	GIA HẠN L1
3		THAN SÔNG HỒNG	21/10	2630/10	28/10	BN 1746	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		VẬN THỦY THỦY	16/10	2662/10	23/10	HP 5097	CỤC XỔ 1C	1 030		1 030		TD	
5		ĐTTM & DỊCH VỤ	17/10	2671/10	23/10	BN 3228	CÁM 4B.1	1 936		1 936		TD	Thay TBRT 2421/9
6		XNK ANH KHOA	18/10	2680/10	25/10	BN 2911	CÁM 4A.1	1 591		1 591		TD	
7		XNK ANH KHOA	18/10	2679/10	25/10	BN 0828	CÁM 4A.1	1 650		1 650		TD	
8		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/10	2676/10	25/10	HP 6131	CÁM 4A.1	1 800		1 800		TD	
9		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/10	2675/10	25/10	BN 1789	CÁM 4A.1	1 600		1 600		TD	
10		TRƯỜNG ANH 888	20/10	2703/10	27/10	BN 2706	CÁM 4B.1	1 650		1 650		TD	Thay TBRT 2184/8
11		XNK VTA	21/10	2707/10	28/10	BN 2025	CÁM 4B.1	1 200		1 200		TD	
12		THÁI SƠN HP	22/10	2725/10	29/10	QN 8531	CÁM 4B.1	1 300		1 300		TD	
13		CP VẬN TẢI THỦY	25/10	2754/10	31/10	HP 6863	CÁM 2A.1	2 200		2 200		TD	
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>141 890</u>	<u>46 862</u>	<u>95 028</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						15 000		15 000			
1		ĐIỆN VINH TẤN 1	19/10	667/10		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000	22 886	114	25/10	HỘ LỚN	TTHG: 22.885,87

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSY

NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						80 390	46 862	33 528			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/10	670/10		PACIFIC 01	CẨM 6A.14	27 690	20 060	7 630	ĐỎ	HỘ LỚN	KDTCP: 9.000 CLM: 9.000 KVCP: 9.690
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/10	675/10		HẢI NAM 39	CẨM 6A.1	28 650	26 802	1 848	ĐỎ	HỘ LỚN	CANG CHINH: 26.600,88
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/10	674/10		HPS-01	CẨM 6A.1	24 050		24 050		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 4.050
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						46 500		46 500			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	22/10	682/10		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	46 500		46 500		HỘ LỚN	TTHG: 42.000 KVCP: 4.500
II		KHO G9-HÓA CHẤT						71 127	34 868	31 093			
		Tàu đã làm hàng						33 407	32 179	1 228			
1		XNK THAN	21/10	2708/10	31/10	TD 056-03	CẨM 6B.1	5 400	5 346	54	21/10	PTCB	NGUỒN HL
2		KDT HÀ BẮC	17/10	2668/10	27/10	BN 1313	CẨM 7B	1 845	1 827	18	23/10	PTCB	NGUỒN CS
3		KDT HÀ BẮC	16/10	2660/10	26/10	HP 6863	CẨM 7B	2 310	2 298	12	23/10	PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC	22/10	2737/10	31/10	BN 1988	CẨM 7B	1 400	1 385	15	24/10	PTCB	NGUỒN CS
5		XNK THAN	22/10	2721/10	31/10	VINACOMIN TD 056 -05(QN 8940)	CẨM 4A.1	5 432	5 316	116	24/10	PTCB	NGUỒN CS
6		KDT CẦU ĐUỐNG	23/10	2734/10	31/10	BN 2699	CẨM 6B.1	1 963	1 948	15	24/10	PTCB	NGỒN HL
7		KDT CẦU ĐUỐNG	23/10	2736/10	31/10	BN 1816	CẨM 6B.2	1 100	1 095	5	24/10	PTCB	NGỒN HL
8		KDT CẦU ĐUỐNG	23/10	2735/10	31/10	BN 0959	CẨM 6B.1	1 350	1 338	12	25/10	PTCB	NGỒN HL
9		THÁI SƠN STAR	19/10	2691/10	26/10	BN 0766	CỤC XỎ 1B	1 200	1 186	14	23/10	TD	NGUỒN CS
10		THÁI SƠN HP	20/10	2702/10	27/10	BN 1826	CỤC XỎ 1B	1 130	1 106	24	23/10	TD	NGUỒN ĐN-C6
11		SX&TM THAN UỐNG BỈ	18/10	2677/10	25/10	QN 8547	CỤC XỎ 1B	996	687	309	25/10	TD	NGUỒN CS
12		MV METEOR	16/10	5 323		V-TRACO 29	TNK-Mozambique	3 900	3 765	135	23/10	BỐC THAN NK	
13		MV METEOR	19/10	5373		QNL-TĐ05	TNK-Mozambique	5 381	4 881	500	25/10	BỐC THAN NK	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						7 396	2 689	4 707			
1		KDT CẦU ĐUỐNG	23/10	2738/10	30/10	BN 2629	CỤC 1B	1 800	1 512	288	ĐỎ	TD	NGUỒN TN
2		DVVTON	19/10	2689/10	26/10	LAM HỒNG 99	CẨM 8A	2 150	1 177	973	ĐỎ	TD	NGUỒN CS
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	22/10	2729/10	29/10	BN 2228	CỤC XỎ 1B	1 096		1 096		TD	NGUỒN CS
4		THAN MIỀN TRUNG	20/10	2698/10	27/10	HẢI ÂU 199	CẨM 8A	1 200		1 200		TD	NGUỒN ĐN-C6

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSY

NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
							CỤC XỎ 1B	1 150		1 150		TD	NGUỒN ĐN-C6
		Tàu đã làm lệnh						30 324		25 158			
1		KDT HÀ BẮC	22/10	2732/10	31/10	BG 0668	CÁM 7B	1 950		1 950		PTCB	NGUỒN CS
2		KDT HÀ BẮC	24/10	2748/10	31/10	BN 2518	CÁM 7B	1 685		1 685		PTCB	NGUỒN CS
3		XNK THAN	22/10	2726/10	31/11	TĐ 056-08	CÁM 7C	5 832		5 832		PTCB	NGUỒN KVCP
4		KDT HẢI PHÒNG	25/10	2756/10	31/12	HP 5902	CÁM 7C	1 450		1 450		PTCB	NGUỒN KVCP
5		KDT MIỀN BẮC	25/10	2757/10	31/13	HP 6559	CÁM 7C	1 636		1 636		PTCB	NGUỒN KVCP
6		TRƯỜNG ANH 888	20/10	2612/10	27/10	VTT89 (QN 8757)	CÁM 8A	3 260		3 260		TD	NGUỒN ĐN-C6
7		XDCN MỎ ĐÔNG BẮC	19/10	2688/10	26/10	QN 7877	CÁM 8A	1 966		1 966		TD	NGUỒN CS
8		HÀNG HẢI VN	23/10	2740/10	30/10	QN 7535	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN CS
9		VT &KD THAN	24/10	2744/10	30/10	NB 8530	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN MD
10		XNK VTA	25/10	2758/10	31/10	HD 6666	CÁM 8A	2 300		2 300		TD	NGUỒN CS
11		XDCN MỎ	25/10	2760/10	31/10	HD 3028	CÁM 8A	2 879		2 879		TD	NGUỒN ĐN-C6
12		GOLDEN STAR	24/10	5 482		QNL-TĐ 06	TNK-LÀO	5 166				BỐC THAN NK	
III		KHO BẢO NGUYỄN						18 558	7 668	10 890			
		Tàu đã làm hàng						7 688	7 668	20			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	17/10	663/10	27/10	QN 5634	CÁM 5B.10	1 790	1 783	7	24/10	HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	17/10	664/10	27/10	TĐ 45-3	CÁM 5B.10	3 572	3 566	6	24/10	HỘ LỚN	
3		ĐIỆN PHẢ LẠI	17/10	665/10	27/10	TĐ 18-1	CÁM 5B.10	2 326	2 320	6	25/10	HỘ LỚN	
		Tàu dự kiến rót trong ngày											
		Tàu đã làm lệnh						10 870		10 870			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	22/10	679/10	31/10	TB 1716	CÁM 5B.10	2 314		2 314		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	24/10	684/10	03/11	QN 1043	CÁM 5B.10	2 400		2 400		HỘ LỚN	
3		ĐIỆN PHẢ LẠI	24/10	685/10	03/11	QN 4113	CÁM 5B.10	1 716		1 716		HỘ LỚN	
4		ĐIỆN PHẢ LẠI	24/10	686/10	03/11	DỪNG SƠN 88(HP 6729)	CÁM 5B.10	4 440		4 440		HỘ LỚN	
IV		KHO CẢNG KM6						28 690	23 803	4 887			
		Tàu đã làm hàng						23 895	23 339	556			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		NHÔM LÂM ĐÔNG - TKV	24/10	2 743	31/10	HOÀNG GIA 45	CẨM 5A.1	1 705	1 700	5	25/10	HỘ LỚN	
2		KDT BẮC TRUNG BỘ	23/10	2741	31/10	VTT 37	CẨM 5B.1	3 000	2 987	13	23/10	PTCB	
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	22/10	2722/10	31/10	HÙNG KHÁNH 616	CẨM 5B.1	3 250	3 245	5	23/10	PTCB	
4		KDT HẢI PHÒNG	24/10	2746	31/10	HP 6683	CẨM 6B.1	1 850	1 848	2	24/10	PTCB	
5		KDT HẢI PHÒNG	24/10	2747	31/10	HP - HD 6818	CẨM 6B.1	1 850	1 846	4	24/10	PTCB	
6		CROMIT CĐ THANH HÓA	25/10	2759	31/10	HÙNG KHÁNH 86	CẨM 5B.1	3 100	2 866	234	25/10	PTCB	
7		SX&TM THAN UÔNG BÍ	20/10	2706/10	27/10	BN 1798	CỤC ĐON 8A	1 200	1 141	59	23/10	TD	NGUỒN QH
8		DVVTQN	22/10	2720/10	29/10	HP 6739	BÙN TUYẾN 3C	1 070	1 063	7	23/10	TD	NGUỒN QH
9		TRƯỜNG ANH 888	22/10	2730/10	29/10	BN 1136	BÙN TUYẾN 3C	1 200	1 172	28	24/10	TD	NGUỒN QH
10		DVVTQN	19/10	2686/10	26/10	BN 1856	CỤC XỎ 1B	1 200	1 037	163	25/10	TD	Thay TBRT 2484/9
11		TRƯỜNG ANH 888	22/10	2731/10	29/10	BN 2168	BÙN TUYẾN 3C	1 200	1 193	7	25/10	TD	NGUỒN QH
12		CTY TNHH XNK VAT TẠI HẢI PHÒNG	23/10	2 733	30/10	BN 1459	CỤC 1B	1 170	1 149	21	25/10	TD	NGUỒN QH
13		KHO VẬN ĐÁ BẠC	25/10	2 752	31/10	CỬA ÔNG 15	CẨM 6A.1	2 100	2 093	7	25/10	CHUYÊN VÙNG	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						2 445	464	1 981			
1		NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV	24/10	2 742	31/10	HOÀNG GIA 45	CỤC 4A.2	1 375	464	911	ĐỎ	HỘ LỚN	
2		ĐV VT QUẢNG NINH	25/10	2 755	31/10	HP 6739	BÙN 3C	1 070		1 070		TD	
		Tàu đã làm lệnh						2 350		2 350			
1		TM VẢ DV - VINACOMIN	24/10	2 749	31/10	HD 2056	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	
2		TM XNK ANH KHOA	25/10	2 753	31/10	PT 2698	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
<u>V</u>		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						<u>35 000</u>	<u>20 000</u>	<u>15 000</u>			
		Tàu đã làm hàng						20 000	20 000				
1		SINGAPORE	16/10	7250		MV PRETTY MERAK	CỤC 5B.2	20 000	20 000		25/10		KVDB: 20.000
		Tàu dự kiến rút trong ngày						15 000		15 000			
1		INDONESIA	16/10	7241		MV RONG HAI 1	CỤC 5B.2	15 000		15 000			KVDB: 15.000
		Tàu đã làm lệnh											
<u>VI</u>		<u>TÀU NHẬP KHẨU</u>		<u>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</u>				<u>33 000</u>	<u>5 000</u>	<u>28 000</u>			
		Tàu đã làm hàng						5 000	5 000				
1		LÀO	22/10	7415		VIỆT THUẬN 215-06	Than Antaracite Lào	5 000	5 000		25/10		TTCO: 5.000,38

PHÒNG DKSY

NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu dự kiến rót trong ngày						13 000		13 000			
1		MOZAMBIQUE	15/10	7208		MV METEOR	Than xx Mozambique	13 000		13 000	ĐỎ		TTCO: 5.000 KVCP: 8.000
		Tàu đã làm lệnh						15 000		15 000			
1		LÀO	22/10	7416		VIỆT THUẬN 235	Than Antaracite Lào	10 000		10 000			TTCO: 5.000 KVCP: 5.000
2		LÀO	22/10	7406		GOLDEN STAR	Than Antaracite Lào	5 000		5 000			KVCP: 5.000

